

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT

Ngày: 17/3/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ P., sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: khóm M., phường V., thành phố Đ., tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số 1185/7/5A đường Lê Văn L1., ấp 3, xã K., huyện N., Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H., sinh năm 1977 (có mặt);

Bà Nguyễn Thị L., sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng trú tại: Ấp T., xã B., huyện C., tỉnh An Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2020 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P. trình bày:

Ngày 19/7/2018, bà P. có cho vợ chồng ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. vay số tiền 2.500.000.000 đồng, do ông H. tự tay viết biên nhận nợ và vợ chồng ông H. cùng ký tên, đây là số tiền bà P. vay của Ngân hàng Sacombank về cho ông H., bà L. vay lại, lãi suất thỏa thuận là theo lãi suất vay của ngân hàng là 1%/tháng, ngày 05 tây hàng tháng vợ chồng ông H. trả cho bà P. 100.000.000 đồng gồm vốn và lãi. Từ khi vay đến tháng 6/2020, ông H., bà L. đã chuyển khoản trả cho bà P. số tiền 1.268.268.000 đồng, trong đó vốn 767.215.000 đồng, lãi 501.053.000 đồng. Bà P. yêu cầu ông H., bà L. phải trả số tiền còn lại vốn 1.732.785.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất vay ngân hàng đã thỏa thuận 12%/năm từ tháng 7/2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Trung H., bà Nguyễn Thị L. trình bày: Ông H., bà L. thống nhất còn nợ bà P. vốn 1.732.785.000 đồng. Tuy nhiên, ông H., bà L. cho rằng không nhận tiền mặt 2.500.000.000 đồng, đây là nợ vay năm 2017 chuyển sang ngày 19/7/2018 mới viết biên nhận. Cụ thể:

- Ngày 20/3/2017 bà P. chuyển khoản 500.000.000 đồng vốn;
- Ngày 19/5/2017 bà P. chuyển khoản 250.000.000 đồng vốn cộng với lãi 5% của vốn 500.000.000 đồng lần đầu, lãi nhập vốn là 800.000.000 đồng, đóng lãi 02 tháng mỗi tháng 40.000.000 đồng;
- Ngày 22/8/2017 bà P. chuyển khoản 437.355.000 đồng vốn cộng với lãi 5% của 800.000.000 đồng vốn trước là 62.645.000 đồng, nên lãi nhập vốn là 1.300.000.000 đồng;
- Ngày 22/11/2017 bà P. chuyển khoản 337.389.000 đồng vốn cộng với lãi 5% của vốn 1.300.000.000 đồng là 162.611.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi nhập vốn của 04 lần vay là 1.800.000.000 đồng, không có làm biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5% và đã đóng lãi được 05 tháng mỗi tháng 90.000.000 đồng thì ngưng.

Đến ngày 19/7/2018 viết biên nhận tính lãi luôn đến tháng 9/2018 là 2.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất lại 1%/tháng. Tiếp tục, sau đó chuyển khoản trả vốn và lãi cho Phương mỗi tháng 59.000.000 đồng đến tháng 6/2020 thì ngưng đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C. tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ P..

Buộc ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ P. số tiền 1.892.201.220 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi hai triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm hai mươi đồng), trong đó tiền vốn 1.732.785.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 11/3/2021 là 159.416.220 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 16/3/2021 bị đơn ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P. trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L., giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông H., bà L. trả cho bà số tiền vốn 1.732.785.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/3/2021 là 159.416.220 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. trình bày: Vợ chồng ông, bà bắt đầu vay tiền của bà P. từ năm 2017 với số tiền vay ban đầu là 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Sau đó bà P. tiếp tục chuyển cho mượn thêm 04 lần cộng với lãi nhập vốn là 1.800.000.000 đồng. Đến ngày 19/7/2018 viết biên nhận tính lãi luôn đến tháng 9/2018 là 2.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất lại 1%/tháng. Tổng cộng vợ chồng ông đã đóng lãi cho bà P. tổng cộng số tiền 1.634.833.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ tiền lãi vượt quá lãi suất vào tiền vốn cho ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

+ Bà P. cho rằng đã cho vợ chồng ông H. vay nhiều lần và đã trả đủ. Đến tháng 6/2018, bà vay Ngân hàng Sacombank 2.500.000.000 đồng để làm ăn nhưng do ông H. gặp khó khăn nên bà cho ông H. vay lại. Biên nhận nợ ngày 19/7/2018 phù hợp với số tiền bà P. vay ngân hàng và cho vợ chồng ông H. vay lại.

+ Ông H. cho rằng bà P. đã chuyển khoản cho vay 04 lần cộng với số tiền lãi còn thiếu tính đến tháng 9/2018 là 2.500.000.000 đồng nhưng không có gì chứng minh bà P. đã tính lãi suất 5%/tháng và cộng dồn vào số tiền chuyển khoản trong khi bà P. cũng không thừa nhận. Tòa án sơ thẩm đã tiến hành hòa giải, đối chất nhưng các bên vẫn giữ quan điểm riêng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. là hoàn toàn có cơ sở.

+ Các bên đã thống nhất số tiền còn thiếu là 1.732.785.000 đồng và cấp sơ thẩm đã tính lãi suất 1%/tháng từ tháng 7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, từ ngày 05/7/2020 đến ngày 11/3/2021 là 08 tháng 07 ngày nhưng án sơ thẩm tính là 09 tháng 06 ngày là chưa đúng nên cần phải điều chỉnh lại.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L., sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày

11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C. theo hướng điều chỉnh lại thời gian tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L., Hội đồng xét xử xét thấy*:

[2.1] *Về số tiền*: Căn cứ Biên nhận nợ ngày 19/7/2018, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm thì việc vay mượn tiền giữa bà Trần Thị Mỹ P. và vợ chồng ông Nguyễn Trung H., bà Nguyễn Thị L. thực tế đã xảy ra, hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, được các bên thừa nhận và tính đến thời điểm này ông H., bà L. còn nợ bà P. số tiền vốn 1.732.785.000 đồng.

[2.2] *Về yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật để khấu trừ vào vốn*: Ông H., bà L. cho rằng đã đóng lãi suất cho bà P. từ tháng 3/2017 đến tháng 9/2018 với lãi suất 5%/tháng và số tiền lãi đã đóng là 1.634.833.000 đồng thể hiện qua các giao dịch chuyển tiền giữa bà P. với ông H. tại Ngân hàng Sacombank. Tuy nhiên, các chứng từ sao kê tài khoản của khách hàng Nguyễn Trung H. tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Châu Phú từ ngày 01/01/2017 đến tháng 9/2018 chỉ thể hiện số tiền bà P. chuyển khoản cho vợ chồng ông H. mượn, còn số tiền mà ông H. cho rằng đã đóng lãi cho bà P. thì chỉ thể hiện nội dung ông H. rút tiền mặt. Hơn nữa, các khoản tiền này cũng không phù hợp là số tiền lãi được tính với lãi suất 5%/tháng trên số tiền gốc mà ông H., bà L. cho rằng bà P. chuyển cho mượn, để sau đó bà P. cộng dồn lãi vào gốc như vợ chồng ông trình bày. Ngoài ra, ông H., bà L. cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh đã đóng lãi cho bà P. với tổng số tiền 1.634.833.000 đồng. Trong khi đó, bà P. trình bày trong thời gian trước khi viết biên nhận nợ ngày 19/7/2018, bà đã nhiều lần cho vợ chồng ông H. mượn thời gian ngắn rồi trả nên không viết biên nhận, không tính lãi và tại phiên tòa sơ thẩm ông H. xác nhận cũng có mượn nhiều lần như bà P. trình bày. Do đó, lời khai nại của ông H. là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] *Về yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị Mỹ P. từ ngày 05/7/2020 đến ngày xét xử*:

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thỏa thuận lãi suất 1% của các đương sự là phù hợp và không trái với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ ngày 05/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 11/3/2021) là 08 tháng 07 ngày nhưng án sơ thẩm tính 09 tháng 06 ngày là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại như sau:

$1.732.785.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 142.665.965 \text{ đồng}$

Tổng cộng số tiền vốn và lãi mà ông H., bà L. có trách nhiệm trả cho bà P. là 1.875.450.965 đồng ($= 1.732.785.000 \text{ đồng} + 142.665.965 \text{ đồng}$)

[2.4] Do hợp đồng vay có thỏa thuận về việc trả lãi nên căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời điểm để tính khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H., bà L.; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí

[3.1] Dân sự sơ thẩm:

- Bà P. được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông H., bà L. bị buộc phải trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $1.875.450.965 \text{ đồng} \times 5\% = 68.263.529 \text{ đồng}$.

[3.2] Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông H., bà L. không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L., sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C., tỉnh An Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ P.. Buộc ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ P. số tiền 1.875.450.965 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng); trong đó tiền vốn 1.732.785.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 11/3/2021 là 142.665.965 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ P. được nhận lại 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003601 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C..

Ông Nguyễn Trung H. và bà Nguyễn Thị L. liên đới chịu 68.263.529 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trung H. được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0008803 ngày 19/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C..

Bà Nguyễn Thị L. được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0008804 ngày 19/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự "Đề thi hành";
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng